

Số: /BC-UBND

Tây Hòa, ngày tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới nâng cao xã Hòa Mỹ Tây năm 2021**

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 21/03/2018 của UBND tỉnh về ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn từ năm 2018-2020 tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt danh sách xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2021;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Hòa Mỹ Tây năm 2021, cụ thể như sau:

I. VỀ HỒ SƠ GỒM CÓ:

- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã Hòa Mỹ Tây đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021;

- Tờ trình về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Hòa Mỹ Tây đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

II. KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã giai đoạn 2010-2020, được UBND huyện Tây Hoà phê duyệt tại quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 26/4/2012. Hiện nay, UBND huyện Tây Hoà đã phê duyệt chủ trương lập điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã tại Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 18/8/2020, ngoài ra để đảm bảo giữ vững tiêu chí quy hoạch UBND xã đang thực hiện điều chỉnh đồ án Quy hoạch NTM thành quy hoạch chung xã theo Quyết định số 4683/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện Tây Hoà “ Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Hòa Mỹ Tây. Trên cơ sở rà soát, bổ sung Đồ án, đề án quy hoạch được phê duyệt, UBND xã tiến hành công bố và công khai rộng rãi quy hoạch để nhân dân biết, theo dõi và thực hiện

- Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới theo quy hoạch được phê duyệt và có quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã. Tổ chức thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 100%;

- Tỷ lệ đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Sau khi Đồ án xây dựng nông thôn mới được phê duyệt và triển khai thực hiện, địa phương đã tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư bê tông hóa, cứng hóa các tuyến giao thông trên địa bàn xã và đạt nhiều kết quả đột phá trong xây dựng giao thông nông thôn. Đặc biệt, từ khi có Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND ngày 29/3/2013 của HĐND tỉnh Phú Yên về Đồ án bê tông hóa giao thông nông thôn, và Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn các xã thuộc khu vực miền núi tỉnh Phú Yên giai đoạn 2017-2020; tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, địa phương đã huy động Nhân dân hưởng ứng đóng góp cùng nhà nước làm đường giao thông nông thôn. Hầu hết các tuyến đường trục thôn, xóm, ngõ xóm đều được bê tông hóa và kéo điện thấp sáng, nhân dân đi lại thuận tiện.

- Hiện trạng các tuyến đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 15,27/15,27km, đạt tỷ lệ 100%.

- Hiện trạng các tuyến đường trục thôn và đường liên thôn đã cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm được 5,305km/5,305km, đạt tỷ lệ 100%;

- Hiện trạng các tuyến đường ngõ, xóm đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, đã cứng hóa 81,757km /81,757km, đạt tỷ lệ 100%.

- Hiện trạng tuyến đường trục chính nội đồng dài đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đã cứng hóa đạt 9,036/9,036km, đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Kênh mương nội đồng do xã quản lý đã được kiên cố hóa 7,861km/14,773km, đạt tỷ lệ 53,2%. So với năm 2017 tăng thêm 3,601km, kinh phí thực hiện 2.880.800 .000đồng, từ nguồn vốn TW, tỉnh huyện xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Hệ thống kênh nhánh của Công ty Thủy nông Đồng Cam đảm bảo tưới cho diện tích đất 2 vụ lúa với diện tích 1.099,6ha. Công trình trạm bơm Ngọc Lâm bao gồm các hạng mục công trình: nhà trạm, bể hút, bể xả, máy bơm, động cơ điện, thiết bị điện, đường dây dẫn điện được xây dựng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đáp ứng yêu cầu chất lượng công trình, đáp ứng được công tác tưới phục vụ sản xuất lúa kịp thời vụ.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ: Hàng năm, UBND xã xây dựng phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; kịp thời củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Ban chỉ huy phụ trách, 100% cán bộ được tập huấn về công tác phòng chống thiên tai. Thường xuyên duy trì hoạt động của các đội, tổ xung kích PCTT và TKCN. Có hệ thống đài truyền thanh đảm bảo thu nhận và cung cấp thông tin đến nhân dân được kịp thời.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn. Đạt

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hệ thống điện trên địa bàn xã Hòa Mỹ Tây do Điện lực Tây Hòa trực tiếp quản lý và vận hành; tổng số có 17 trạm biến áp với tổng công suất 4.290KVA; tổng chiều dài đường dây trung áp và hạ áp là 88km; toàn bộ các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp trên địa bàn xã đảm bảo đạt các chỉ tiêu theo quy định. Các điểm vi phạm hành lang an toàn lưới điện đã được khắc phục và đảm

bảo an toàn, không phát sinh vi phạm. Việc thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện được thông báo theo đúng quy định. Tổng số hộ sử dụng điện là 3.235/3.235 hộ, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 80\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã có 3 cấp Trường học, Trường mầm non Hòa Mỹ Tây (có 02 điểm trường), Trường tiểu học Hòa Mỹ Tây (có 05 điểm trường tổng diện tích 33.490m², có 38 phòng học trang thiết bị cơ sở vật chất đầy đủ theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo quy định và Trường THCS Tây Sơn chưa đạt chuẩn quốc gia, nhưng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt 100%. Cụ thể:

- Trường Mầm non Hòa Mỹ Tây: Khuôn viên diện tích: 5409,5m². Cổng trường, tường rào kiên cố ngăn cách với bên ngoài, được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, các điểm trường đảm bảo diện tích khu vui chơi cho trẻ, có cây xanh tạo bóng mát, thiết bị và đồ dùng ngoài trời cho giáo dục trẻ, tạo điều kiện cho trẻ khám phá, học tập.

+ Năm học 2020-2021: Trường có 4 lớp với 122 trẻ; 08 phòng học được xây dựng kiên cố; có đầy đủ các phòng phục vụ học tập (phòng giáo dục nghệ thuật) phục vụ nhu cầu vận động, phát triển thẩm mỹ và thể chất cho trẻ; phòng chức năng riêng biệt ở các điểm trường; Bếp ăn được thiết kế theo quy trình sử dụng 1 chiều gồm phòng ăn và khu sơ chế.

+ Khối phòng hành chính quản trị gồm 4 phòng làm việc và 01 phòng họp (Hội trường) cho CBQL và nhân viên làm việc, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo.

* **Đánh giá trường Mầm non:** Theo Điều 9. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 19/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT: **Đạt**

- Trường Tiểu học Hòa Mỹ Tây: Khuôn viên diện tích 34.246 m². Số điểm trường hiện nay 05 điểm trường; điểm trường chính thôn Quảng Mỹ: 10.510 m²; Ngọc Lâm: 6.090 m²; Mỹ Thành (mới): 6.840 m²; Mỹ Phú: 4.020 m²; Thạnh Phú Đông: 6.786 m²; tỷ lệ phòng học/lớp: 34/31; tỷ lệ: 1,09.

+ Cổng trường, tường rào kiên cố ngăn cách với bên ngoài, được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, có cây xanh tạo bóng mát.

+ Năm học 2020-2021; Trường có 34 lớp với, 1012 học sinh, hiện tại trường có 34 phòng học (KC: 15; BKC:19); có 03 phòng Tin học, 02 phòng học Tiếng Anh (chưa bố trí thiết bị chuyên dụng); 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật; khối phòng hỗ trợ học tập và phụ trợ cơ bản đảm bảo.

+ Thư viện đạt thư viện đạt chuẩn ở 02 điểm trường,

+ Khối phòng hành chính quản trị: gồm 04 phòng làm việc và 01 văn phòng cho CBQL và nhân viên làm việc, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo.

* **Đánh giá trường Tiểu học:** Theo Điều 11. Tiêu chuẩn Cơ sở vật chất (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: **Đạt**

- Trường THCS Tây Sơn: Khuôn viên diện tích: 13.200 m². Công trường, tường rào kiên cố ngăn cách với bên ngoài, được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Điều lệ trường THCS đảm bảo diện tích cho các hoạt động giáo dục, có cây xanh tạo bóng mát. Hiện tại trường có 14 phòng học kiên cố; thư viện đạt thư viện tiên tiến, có khối phòng hành chính quản trị (có 06 phòng làm việc CBQL và nhân viên; phòng họp (Văn phòng); khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo); có khối phòng học bộ môn được đầu tư riêng biệt, đảm bảo theo chuẩn để phục vụ cho công tác dạy học; Khối phòng hỗ trợ học tập (thư viện; thiết bị giáo dục; phòng truyền thống Đoàn – đội...) được sắp xếp; bố trí đảm bảo; Khối phòng phụ trợ (phòng họp, phòng các tổ chuyên môn, y tế, kho, nhà xe...) được sắp xếp; bố trí đảm bảo; Có khu sân chơi, thể dục thể thao đảm bảo về diện tích quy mô và các dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

* **Đánh giá trường THCS:** Theo Điều 15 - Tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: **Đạt**

c) **Đánh giá:** Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Nhà văn hoá, khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL. Đạt
- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định. Đạt
- Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã có Trung tâm văn hóa - Thể thao. Hội trường UBND xã làm Nhà văn hóa xã có sức chứa gần 300 chỗ ngồi, có trang thiết bị âm thanh, ánh sáng; Khu thể thao xã với diện tích 3.000 m²: trong đó gồm 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, ngoài ra, tại trụ sở UBND xã có 01 sân bóng chuyền đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động văn hóa thể thao của người dân. So với năm 2017 khu thể thao xã được nâng cấp sân bóng đá mini, sân bóng chuyền với kinh phí 1.100.000.000 đồng. Tiếp tục thực hiện Quy chế lồng ghép tổ chức Hội nghị và hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Trên địa bàn xã có nhiều điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Hàng năm có kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em, thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng thăm hỏi, động viên, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người cao tuổi. Các hoạt động vui chơi, giải trí văn nghệ cho trẻ em được tổ chức thường xuyên vào các ngày lễ.

Xã có 8/8 Nhà văn hóa thôn được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, có đủ 100 chỗ ngồi trở lên, có các công trình phụ trợ: Nhà để xe, nhà vệ sinh, khuôn viên nhà văn hoá thôn được trồng hoa, cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan, sạch đẹp. Khu thể thao thôn thực hiện tại các vị trí khác nhau trên địa bàn thôn.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng, thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương V/v Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch hoặc xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét, đánh giá tiêu chí này.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã có 01 chợ Hoà Mỹ Tây nằm ở trung tâm xã với diện tích 5.000m². Chợ đã được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định; nội quy, quy chế chợ được niêm yết công khai, bố trí cân đối chứng, trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Có 40 tiểu thương đăng ký dịch vụ buôn bán xung quanh khu kiốt chợ lâu dài, đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân

Hiện tại chợ đang được Liên hiệp HTXNN&KDDV huyện Tây Hoà thực hiện tốt việc quản lý, khai thác kinh doanh chợ theo Quyết định số 4029/QĐ-UBND, ngày 14/9/2015 của UBND huyện Tây Hòa.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có điểm phục vụ viễn thông, Internet.
- Có đài tuyên thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các thôn hoạt động thường xuyên.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ Bưu chính: Trên địa bàn xã có 01 Bưu điện Văn hoá xã, có thùng thư công cộng, hiện trạng đang hoạt động tốt phục vụ bưu chính viễn thông, cung cấp được 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt tiêu chuẩn ngành.

- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.

+ Trên địa bàn xã có 08/08 thôn truy cập internet, đạt 100%. Có 05 điểm truy cập internet, có 07 trạm PTS trên địa bàn xã. So với năm 2017 hộ sử dụng internet tăng 11,02% và tốc độ đường truyền cáp quang nhanh hơn, mạng di động từ 3G sang 4G.

- Đài tuyên thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các thôn hoạt động thường xuyên có hiệu quả. So với năm 2017 xã xây mới hệ thống Đài truyền thanh không dây với tổng kinh phí 300 triệu đồng. Đài Truyền thanh thiết lập đáp ứng các quy chuẩn.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN và các hội, đoàn thể- chính trị xã đều có máy tính để phục vụ quản lý và làm việc. Điều hành xử lý văn bản qua phần mềm liên thông văn bản vnptioffice, 100% cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách được sử dụng máy tính, có áp dụng nhận gửi văn bản qua email điện tử công vụ cho cán bộ, công chức. Xã đã có trang thông tin điện tử và triển khai dịch vụ công trực tuyến.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổ chức rà soát số lượng nhà ở tạm trên địa bàn xã, thực hiện kế hoạch xóa đói giảm nghèo, vận động từ các nguồn quỹ hỗ trợ hộ dân có nhà ở tạm để xây dựng nhà mới. Đồng thời, vận động nhân dân ở các thôn tự tu sửa, xây mới nhà ở để đảm bảo cuộc sống và đủ chuẩn theo quy định nông thôn mới. tương thuộc diện hộ nghèo, hộ chính sách, hộ bảo trợ xã hội với tổng kinh phí hỗ trợ 1.997.800.000 đồng.

- Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: 95,31% (có 2.790 nhà/2.927 nhà). So với năm 2017 tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn tăng 0,61%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người đạt 41 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Đề tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, trong những năm qua địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích nhân dân mạnh

dạn đầu tư phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, tập trung phát triển kinh tế, mở rộng quy mô phát triển kinh tế hộ gia đình, triển khai các mô hình sản xuất có hiệu quả, phát triển chăn nuôi theo mô hình gia trại, trang trại, duy trì phát triển các ngành nghề của địa phương, tham gia học nghề tạo việc làm có thu nhập ổn định. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Vì vậy, thu nhập bình quân đầu người được tăng lên, năm sau cao hơn so với năm trước. Kết quả thẩm định thu nhập bình quân đầu người/năm của xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa năm 2020 như sau:

- Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2020 là: 49,21 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo*), tỷ lệ $\leq 5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Ban chỉ đạo giảm nghèo xã phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể huy động các nguồn vốn tạo điều kiện cho hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất. Hàng năm phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề cho hộ nghèo, cận nghèo để giải quyết việc làm. Đồng thời, phối hợp với Ngân hàng CSXH, ngân hàng NN&PTNT hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất thấp, tạo điều kiện cho người dân có việc làm ổn định, thu nhập đáng kể, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn xã. Hàng năm, tổ chức rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã; xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo có việc làm tăng thu nhập nâng cao đời sống và thoát nghèo. Thực hiện có hiệu quả các kế hoạch của Đảng ủy xã về triển khai mô hình “Đảng viên giúp đỡ hộ nghèo”.

Toàn xã có 2.818 hộ dân và 61 hộ nghèo, trong đó có 35 hộ nghèo BTXH. Vì vậy tỷ lệ hộ nghèo là: 26/2.783 hộ, tỷ lệ 0,93%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

12. Tiêu chí số 12 về Tỷ lệ lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động. $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thành lập và củng cố Ban chỉ đạo thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn xã giai đoạn 2015-2020, xây dựng và phổ biến quy chế hoạt

động của Ban chỉ đạo, kế hoạch triển khai thực hiện đến từng bộ phận, đoàn thể có trách nhiệm liên quan. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống đài tuyên thanh xã về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn nắm bắt, tích cực tham gia học nghề. Rà soát, thống kê số lượng lao động, tình hình việc làm trên địa bàn xã, phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề tạo tay nghề cho lao động nông thôn. Đến cuối năm 2020, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn đạt 97% kế hoạch năm, trong đó: trong tỉnh 110 lao động, ngoài tỉnh 172 lao động, phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh niên tỉnh Phú Yên mở Hội nghị truyền thông về việc làm, cho phụ nữ có 150 hội viên tham dự và vận động 15 đoàn viên tham gia tư vấn việc làm ở huyện.

Theo kết quả điều tra năm 2020: Tổng số lao động có việc làm trong độ tuổi của toàn xã là 6.521 lao động/6.722 dân số trong độ tuổi có khả năng lao động, chiếm tỷ lệ 97%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã có HTX NN KD DV Hòa Mỹ Tây đang hoạt động hiệu quả theo quy định của Luật HTX năm 2012.

+ Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Đã tổ chức Đại hội chuyển đổi và hoạt động theo Luật HTX 2012.

+ Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã: Dịch vụ thu gom rác thải; Dịch vụ giao thông nội đồng; dịch vụ thu hoạch, sản xuất lúa giống; tín dụng nội bộ; vật tư nông nghiệp; quản lý chợ; quản lý và cung cấp nước sạch; kinh doanh xăng dầu; bán gạo chất lượng cao.

+ Kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm tài chính gần nhất (hoặc 02 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 03 năm):

Năm 2018 lợi nhuận sau thuế là 180.266.673 đồng.

Năm 2019 lợi nhuận sau thuế là 209.614.342 đồng.

Năm 2020 lợi nhuận sau thuế là 119.451.417 đồng.

+ Hợp tác xã được thành lập với 1.355 thành viên.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, là Lúa và sản phẩm từ lúa, diện tích gieo trồng hàng năm 549,8 ha, sản lượng đạt 79,2 tạ/ha, sản diện tích 950ha sản lượng đạt 60 tấn/ha. Liên kết với nhà máy xay xát, cơ sở chế biến thu mua lúa thương phẩm trong năm 2020 là 1.158 tấn.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề). $\geq 85\%$

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo. $\geq 40\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Giữ vững và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục được học Trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) 113/130 học sinh, đạt tỷ lệ 86,92%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo theo kết quả điều tra cuối năm 2020: 4.328/6.562 người, đạt 65,95%. So với năm 2017 tăng 10,91%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

15. Tiêu chí số 15-Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT $\geq 85\%$

- Tiêu chí Xã đạt quốc gia về y tế. Đạt

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi). $\leq 24,2$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Với sự chỉ đạo của UBND xã và sự hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế cấp trên, Trạm y tế xã triển khai công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn, thực hiện các Chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đạt kết quả tốt. Ngoài ra, UBND xã còn hỗ trợ Trạm y tế duy tu, bảo dưỡng trạm, bố trí cơ sở vật chất, thuốc men,...đảm bảo trạm đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT tính đến tháng 18/5/2021 đạt 94,5% (8.684/9.189 người).

- Tiếp tục duy trì xã đạt tiêu chuẩn Quốc gia về Y tế. Thực hiện tốt các chức năng về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh cho Nhân dân trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) năm 2020: 16,29% (107/657 trẻ). So với năm 2017 giảm 3,71%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định. $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ đạo Trưởng thôn phối hợp với Trưởng ban công tác mặt trận thôn tiến hành họp quần dân chính quán triệt 3 tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, 05 tiêu chuẩn xây dựng thôn văn hóa theo Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ văn hóa, thể thao và du lịch để hộ gia đình tự nguyện đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, thôn văn hóa. Nhân dân xây dựng gia đình văn hoá, thôn văn hoá, xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới.

UBND xã phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể tổ chức phát động Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Chỉ đạo trưởng thôn phối hợp với Ban công tác Mặt trận thôn tiến hành họp nhân dân quán triệt các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa theo Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ để hộ gia đình tự nguyện đăng ký xây dựng GĐVH, thôn văn hóa. Nhân dân thống nhất và đồng tình hưởng ứng đăng ký và quyết tâm, kết quả gia đình văn hóa năm 2020 có 2.827/2.875 hộ đạt tỷ lệ 98,33%; có 8/8 thôn đạt thôn văn hoá; có 8/8.thôn đạt danh hiệu thôn văn hoá năm thứ 10; xã đạt xã văn hóa nông thôn mới năm thứ 5.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia) $\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường. 100%

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn. Đạt

- Mai táng phù hợp theo quy định và theo quy hoạch. Đạt

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Đạt

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 85\%$

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường \geq 75%

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và quy định các chỉ tiêu của tiêu chí 17 về môi trường trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND xã đã phối hợp với Mặt trận, các hội đoàn thể, 08 thôn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ môi trường, không vứt rác thải bừa bãi, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, bảo vệ, chăm sóc cây xanh và dọn dẹp vệ sinh, đảm bảo cảnh quan môi trường xung quanh nơi ở; vận động nhân dân, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học tăng cường trồng cây xanh, tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường nơi làm việc sáng - xanh - sạch - đẹp. Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp với ngành chức năng và các thôn kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình, cơ sở sản xuất hướng dẫn đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Kết quả thực hiện như sau:

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định, đạt tỷ lệ 100% (2.927/2.927 hộ).

- 16/16 cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường và đã thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo quy định, chấp hành tốt việc bảo vệ môi trường, đạt tiêu chuẩn về môi trường, đạt 100%.

- Các đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa và không lầy lội cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp. Thực hiện chiến dịch bảo vệ môi trường dọn vệ sinh 03 tuần/ 01 lần. không có hoạt động làm suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tuyên truyền Nhân dân hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường, trồng hoa, cây xanh, chỉnh trang tường rào, cổng ngõ, không vứt rác bừa bãi góp phần tạo cảnh quan, môi trường tại gia đình cũng như đường làng ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp, Đạt 95,4% (2.795/2.927) số hộ dân trồng cây xanh, cải tạo vườn, chỉnh trang tường rào, cổng ngõ tạo cảnh quan nhà cửa, thôn xóm; Các trường học xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện vì một môi trường trường học xanh - sạch - đẹp.

- Nghĩa trang được xây dựng quản lý theo quy hoạch, phê duyệt tại Quyết định số 570a/QĐ-UBND ngày 10/10/2014. Hiện tại mỗi thôn trên địa bàn xã đều có đất nghĩa trang, được quy hoạch cắm mốc làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán địa phương.

- Chất thải rắn được thu gom và xử lý đúng quy định: Rác thải y tế được Trạm y tế xã quản lý theo quy định và được Trung tâm Y tế huyện tổ chức thu gom theo lịch trình 2-3 lần/tháng; rác thải y tế được Trung tâm Y tế huyện hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường Hậu Sanh tỉnh Bình Định thu gom, vận chuyển. Rác thải từ việc sử dụng phân bón, thuốc BVTV được bỏ vào 22 bể chứa bao, bì thuốc bảo vệ thực vật đã được xây dựng. Rác thải sinh hoạt trên địa bàn do Công ty

cổ phần môi trường đô thị thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện. Nước thải sinh hoạt đều tự tiêu trong vườn hộ gia đình.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã đảm bảo các qui định về an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 96,84%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh: Đạt 100% (1.633/1.633 hộ).

- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. Đạt

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Đạt

- Đảng bộ, chính quyền xã được công nhận đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đạt

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên. Đạt

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Đạt

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thường xuyên sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã được chú trọng, tạo điều kiện để cán bộ tham gia học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Tăng cường xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới, tập trung đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Tạo điều kiện thuận lợi Nhân dân bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và quyền làm chủ của dân. Tiếp tục đổi mới công tác vận động quần chúng, đa dạng hóa các hình thức đoàn kết, tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt kế hoạch về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật. Xây dựng kế hoạch và khảo sát ý kiến sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cán bộ, công chức trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến triển khai Luật Bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình... đến cán bộ, công chức và người dân để nâng cao nhận thức về công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

- Cán bộ xã đạt chuẩn: đạt (100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn).

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

- Đảng bộ, chính quyền xã được công nhận đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt loại khá trở lên theo quy định.

- Xã được UBND huyện công nhận: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020 theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 03/02/2021.

- Công tác bình đẳng giới được Đảng ủy, chính quyền quan tâm xã đã quy hoạch nữ lãnh đạo chủ chốt giai đoạn 2020-2025 có 4 cán bộ nữ trong BCH Đảng bộ xã, chiếm tỷ lệ 26,6%. 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo,...không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; Đài truyền thanh thường xuyên tuyên truyền Luật bình đẳng giới trên hệ thống thông tin truyền thanh xã. Đã thành lập Ban quản lý mô hình Địa chỉ tin cậy nhà tạm lánh tại cộng đồng.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng. Đạt

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên. Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng: Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã đã qua đào tạo cơ bản trình độ Trung cấp, cao đẳng ngành quân sự, đủ điều kiện tham gia cấp ủy cùng cấp, hiện tại cán bộ chỉ huy được đào tạo trình độ Cao đẳng ngành quân sự. Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; Cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và chế độ khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nòng cốt đạt 100% theo Nghị quyết, kế hoạch của cấp tỉnh, cấp huyện; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định; Cán bộ Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm theo chỉ tiêu Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện. Hàng năm xã kết nạp 1-2 đảng viên trong dân quân, nâng tỷ lệ đảng viên trong DQTV đạt 36,6, giữ vững Chi bộ quân sự có cấp ủy. Hàng năm cử cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức QPAN các cấp đạt 100% chỉ tiêu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng theo phân cấp đạt 100% kế hoạch.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên:

+ Công tác triển khai nhiệm vụ đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.

+ Tiếp tục ban hành kế hoạch củng cố, duy trì mô hình: “Khu dân cư tự quản về ANTT”, “Liên kết Trường – xã về đảm bảo ANTT”, “Phòng ngừa, trợ giúp trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng” và xây dựng mới mô hình “Camera an ninh phòng chống tội phạm” hoạt động có hiệu quả.

+ Kịp thời nắm và chỉ đạo giải quyết thành công các trường hợp mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân ngay từ cơ sở, không để tạo thành điểm nóng, khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp trái pháp luật.

+ Chỉ đạo các ngành, đoàn thể phối hợp tổ chức 250 lượt tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia phong trào bảo vệ ANTT và phòng chống tội phạm trong khu dân cư.

+ Đầu năm 2021, địa phương vận động 100 % hộ gia đình của 8/8 khu dân cư và 100% cán bộ, công chức xã ký cam kết xây dựng khu dân cư, xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; tuy chưa đến thời điểm xét, công nhận, nhưng 8/8 khu dân cư và xã đều thực hiện đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

+ Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm: Địa phương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, mua bán người... Tập trung mở các đợt ra quân tấn công trấn áp các loại tội phạm, phân công cho các ngành, đoàn thể quản lý, giáo dục tại cộng đồng, thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, không để xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng; địa bàn không xảy ra trọng án, chưa phát hiện các loại tệ nạn xã hội như mại dâm, nghiện hút các chất ma túy, mê tín dị đoan.

+ Công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã: Địa phương quan tâm củng cố, kiện toàn lực lượng Công an xã, trong đó có Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã. Trang bị cơ bản về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho lực lượng Công an xã, xây dựng quy chế làm việc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Công an xã trong thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức duy trì thực hiện tốt diễn đàn “Công an xã lắng nghe ý kiến nhân dân”; triển khai thực hiện nghiêm túc việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân gắn với thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng phong cách người CAND bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ”. Lực lượng Công an xã đã hoàn thành tốt các nội dung, chương trình công tác đã đề ra, không có trường hợp vi phạm phải xử lý kỷ luật.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Tổng số tiêu chí đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định tại Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 21/03/2018 của UBND tỉnh về ban hành tiêu

chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn từ năm 2018-2020 là 15/15 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, cụ thể:

1. Tiêu chí số 01 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải: 80%.

- Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải, đạt tỷ lệ $\geq 60\%$ (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa).

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải, đạt tỷ lệ $\geq 40\%$ (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa).

- Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt tỷ lệ $\geq 100\%$.

- Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt tỷ lệ $\geq 70\%$.

- Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông, đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã triển khai thực hiện các tuyến đường giao thông nông thôn đúng theo Đồ án, đề án quy hoạch. Triển khai thực hiện công tác bê tông hóa đường giao thông nông thôn còn lại và tuyến đường trục chính nội đồng theo Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh và UBND xã thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn các xã thuộc khu vực miền núi tỉnh Phú Yên giai đoạn 2017-2020; các tuyến đường thôn, xã được lắp biển chỉ dẫn giao thông để hướng dẫn cho người dân trong và ngoài xã đi lại thuận tiện.

- Hiện trạng các tuyến đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải với chiều dài 5,305km/5,305km, đạt tỷ lệ 100%.

- Hiện trạng các tuyến đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải với chiều dài 81,757km /81,757km, đạt 100% > 60%.

- Hiện trạng tuyến đường trục chính nội đồng dài đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đã cứng hóa đạt 3,725/9,036km, đạt 41,2%. Còn lại được đảm bảo duy trì cứng hóa.

- Toàn bộ các tuyến đường trục xã, liên xã, các tuyến đường trục thôn xóm có tổng chiều dài 21,275km /21,275 km được đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt 100%.

- Trên địa bàn xã có 57,929 /81,757km đường ngõ xóm được đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt 78,74% > 7%.

- Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông.

So với năm 2017, xã thực hiện nâng cấp, mở rộng, bê tông hóa 2 tuyến đường giao thông liên xã dài 781: tuyến đường từ UBND xã đến Núi lá – đi Xuân Mỹ, Hòa Mỹ Đông, chiều dài 631m và tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Trung Trục đến nghĩa trang Xuân Mỹ xã Hoà Mỹ Đông, chiều dài 150m; nâng cấp, mở rộng, bê tông hóa thêm 12 tuyến đường dài 1.585m đường trục thôn, đường ngõ, xóm và bê tông hóa đường trục chính nội đồng dài 945 và mở rộng bê tông đường dân sinh từ Nhà bà Nguyễn Thị Sương đến nhà ông Nguyễn Thanh Vũ thôn quảng Mỹ dài 200 m. Tổng kinh phí đã thực hiện bê tông giao thông 3.378.000.000 đồng; trong đó: Ngân sách tỉnh 1.158.000.000 đồng, ngân sách huyện 552 triệu đồng, ngân sách xã và nhân dân đóng góp 1.409.000.000 đồng.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

2. Tiêu chí số 02 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

Đối với các xã có cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được phê duyệt: tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được phê duyệt đạt từ 85% trở lên;

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Theo Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa giai đoạn (2010-2015) - (2015-2020) được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì trên địa bàn xã có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung. Đến năm 2018, khu chăn nuôi tập trung được quy hoạch thực hiện tại xứ đồng Dân thôn Suối Phần của Công ty cổ phần Bò giống công nghệ cao COLIKE Phú Yên đang hoạt động và đã sử dụng điện lưới quốc gia gồm 01 trạm biến áp, công suất 90KW, tổng công suất thiết bị sử dụng điện là 78.3 KW đạt khối lượng thực hiện 114% của trang trại.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định

3. Tiêu chí số 03 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đạt tỷ lệ 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã có 03/03 trường của xã (Trường mầm non Hòa Mỹ Tây, Trường tiểu học Hòa Mỹ Tây, Trường THCS Tây Sơn) đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, tỷ lệ 100%, cụ thể:

- Trường Mầm non: Theo Điều 9, tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 19/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT: Đạt.

- Trường Tiểu học Hòa Mỹ Tây: Theo Điều 11, tiêu chuẩn Cơ sở vật chất (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: Đạt

- Trường THCS Tây Sơn: Theo Điều 15, tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: Đạt

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

4. Tiêu chí số 04 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã, Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ đạt 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Cơ sở vật chất văn hóa (Trung tâm văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn) được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về diện tích đất quy hoạch và quy mô xây dựng (Đạt).

+ Xã Hòa Mỹ Tây đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2017. Các cơ sở vật chất văn hóa: Trung tâm văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - khu thể thao 5/8 thôn: Thạnh Phú Đông, Mỹ Phú, Quảng Mỹ, Ngọc lâm, Mỹ Thành được UBND xã đầu tư nâng cấp, mở rộng, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng; 03/8 thôn: Thạnh Phú Tây, Ngọc Lâm 2, Suối Phần đầu tư xây dựng mới đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL về diện tích đất quy hoạch và quy mô xây dựng.

+ UBND xã Hòa Mỹ Tây đầu tư xây dựng mới Khu thể thao xã với diện tích 3.000 m²: trong đó gồm 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, ngoài ra, tại trụ sở UBND xã có 01 sân bóng chuyền đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động văn hóa thể thao của người dân.

- Cơ sở vật chất văn hóa đảm bảo các tiêu chí về: trang thiết bị, cán bộ, kinh phí và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ có hiệu quả (Đạt)

+ Cơ sở vật chất văn hóa cấp xã (Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): Cơ sở vật chất văn hóa - thể thao cấp xã có đầy đủ các trang thiết bị tổ chức hoạt động, có cán bộ quản lý văn hóa, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên ổn định hàng năm, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao thu hút người dân tham gia.

+ Cơ sở vật chất văn hóa cấp thôn (Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): Nhà văn hóa, khu thể thao 8/8 thôn có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL, có đầy đủ trang thiết bị để tổ chức hoạt động; công trình phụ trợ: có cổng, tường rào bảo vệ, có nhà vệ sinh, nhà để xe, hoa và cây xanh trong khuôn viên, được trang bị mới một số dụng cụ thể thao đơn giản (xà đơn, dụng cụ xoay lưng bụng,...) và một số nhạc cụ, dụng cụ thể thao truyền thống (sáo, guitar, bóng

chuyên, cờ tướng,...). Kinh phí hoạt động thường xuyên của các nhà văn hóa thôn có sự hỗ trợ của ngân sách xã và kinh phí đóng góp xã hội hóa của nhân dân. Mỗi thôn đều có cán bộ nghiệp vụ hoạt động kiêm nhiệm và hưởng thù lao theo công việc được giao. Hàng năm, các Nhà văn hóa - khu thể thao thôn tổ chức được các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao vào các ngày lễ kỷ niệm của đất nước.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

5. Tiêu chí số 05 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm (cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới), đạt 49,2 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Để nâng cao thu nhập của người dân, Đảng ủy, UBND xã khuyến khích, tạo điều kiện Nhân dân vay vốn giải quyết việc làm, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Duy trì phát triển ngành, nghề tại địa phương như: Trồng dâu nuôi tằm, mộc, nê, cơ khí... ở các thôn, mở rộng phát triển các dịch vụ. Phối hợp các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn để tự tìm việc làm tạo thu nhập ổn định. Hiện nay trên địa bàn xã nhân dân đang triển khai các mô hình sản xuất, chú trọng kinh tế trồng rừng liên kết theo chuỗi giá trị hiệu quả đáp ứng diện tích 1.595,64 ha/ 650 hộ dân tham gia, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi như phát triển đàn bò địa phương như bò giống Brahman tăng đàn 9.200 con/680 hộ thực hiện, canh tác mía cao sản có tuổi 100 ha/70 hộ dân tham gia. chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng đất lúa chuyên trồng sen diện tích 07 ha/ 12 hộ dân thực hiện cụ thể như:

- Mô hình liên kết sản xuất lúa giống cấp xác nhận với diện tích 70ha, mô hình cánh đồng mẫu lớn với diện tích 180ha, Mô hình sản xuất lúa Hữu cơ chất lượng cao, với diện tích: 3,8 ha' Mô hình sản xuất gạo thương phẩm chất lượng cao với diện tích 120ha. Thu nhập bình quân 25triệu đồng/ha/năm

- **Mô hình chuyển đổi trồng sen:** UBND xã vận động và hướng dẫn Nhân dân triển khai mô hình trồng sen trên đất lúa với diện tích 07 ha, thu nhập bình quân 80 triệu đồng/ha/năm

- Mô hình trang trại nông lâm kết hợp trồng các loại cây như: keo, bạch đàn, bơ, chăn nuôi heo rừng lai, gà các loại và đào ao nuôi cá với diện tích từ 2ha trở lên. thu nhập bình quân 100 triệu đồng /1ha/năm.

- Mô hình trồng măng Tây: Diện tích 3.000m², ứng dụng công nghệ hệ thống tưới tự động, phân bón sử dụng phân hữu cơ. Thu nhập bình quân 80 triệu đồng/năm.

- Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm: Quy mô diện tích chuồng nuôi 6.500m², số lượng thả con giống 12.500 con/đợt, thời gian từ khi thả con giống đến

khi xuất chuồng từ 90 ngày, trọng lượng trung bình từ 2-3kg/con, gà thịt được hộ nuôi bán cho thương lái để tiêu thụ trong và ngoài huyện. Thu nhập bình quân 150 triệu đồng/năm.

- Mô hình nuôi lợn giống: Quy mô diện tích 400m², với số lượng khoảng 1.000 con giống bố mẹ. Con giống được cung cấp tại chỗ với 120.000 con giống/năm (nuôi lợn giống cho đẻ con,), giá bán giống ra thị trường dao động từ 5.000 đồng/con; ước lợi nhuận 300 triệu đồng/năm. Đây là mô hình mới ít tốn thời gian chăm sóc, nguồn thức ăn dễ kiếm .. giá thành rẻ nên có thể nhân rộng ra các hộ khác trên địa bàn xã.

- Mô hình chăn nuôi bò giống công nghệ cao như trang trại bò Colike Phú Yên tại thôn Suối Phần hoạt động từ năm 2018-2020 đạt tổng đàn 1.500 con, nay chuyển sang mô hình nuôi dê, cừu tạo chuyển đổi con giống vật nuôi theo mùa dịch bệnh covid- 19. Tổng đàn 1.250 con, tạo việc làm 15 lao động tại địa phương thu nhập bình quân mỗi lao động 7 triệu đồng/tháng /người.

- Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Hiện nay trên địa bàn xã có nhiều doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh vừa và nhỏ trên các lĩnh vực may mặc, vàng bạc, xây dựng, vận tải giải quyết việc làm cho trên 300 lao động, thu nhập bình quân từ 8-9 triệu đồng/người/tháng. Toàn xã có nhiều hộ gia đình sản xuất kinh doanh buôn bán nhỏ: tráng bánh, làm bún, đóng hàng mộc gia dụng, cơ khí, điện, điện tử, buôn bán tạp hóa, dịch vụ ăn uống, giải quyết việc làm cho nhiều lao động, thu nhập bình quân từ 5 - 6 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra nhân lúc nhàn rỗi, người dân đến các huyện, tỉnh khác để tìm việc làm như: Phục vụ quán ăn, bán vé số, thợ hồ, công nhân thời vụ... mang lại thu nhập đáng kể cho gia đình từ đó cuộc sống của người dân được nâng cao cải thiện rõ rệt.

Kết quả thẩm định thu nhập bình quân đầu người/năm của xã 2020 đạt: 49,21 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

6. Tiêu chí số 06 về phát triển sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ đạt > 80%.

- Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

- Tỷ lệ diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, tỷ lệ đạt $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trong sản xuất nông nghiệp nhiều hộ nông dân đã mạnh dạn đầu tư máy móc, đưa cơ giới hóa vào sản xuất để giảm thời gian, sức lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất trong các khâu làm đất, gieo trồng, thu hoạch và vận chuyển nông sản.

Hiện nay trong nông nghiệp, hầu hết Nhân dân đã ứng dụng cơ giới trong các khâu làm đất, gieo sạ, thu hoạch.

Hợp tác xã luôn đổi mới về công tác quản lý và phương thức hoạt động trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy kinh tế tập thể và kinh tế hộ gia đình phát triển, luôn tạo sự gắn kết giữa HTX với thành viên trong cung ứng các dịch vụ và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển và nhân rộng một số mô hình phát triển sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp là 100%.

- Về chỉ tiêu có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

+ HTX NN-KDDV Hòa Mỹ Tây có mô hình cánh đồng mẫu giảm lượng giống gieo sạ ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất triển khai thực hiện trong vụ Đông Xuân năm 2020- 2021 và vụ Hè Thu 2021, diện tích 200 ha và mô hình sản xuất, tiêu thụ lúa thương phẩm, diện tích 100ha, Mô hình sản xuất lúa được thực hiện theo phương pháp bón phân hữu cơ, phân vi sinh, không sử dụng hoá chất, kỹ thuật canh tác được thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật chuyên môn năng suất bình quân 79,2 tạ/ha. Đến giai đoạn thu hoạch HTX NN-KDDV Hoà Mỹ Tây thu mua toàn bộ lúa tươi của nông dân sau đó hợp đồng với đơn vị xay xát chế biến thành gạo sạch đóng gói. Thành phẩm gạo chất lượng cao được HTX NN-KDDV Hoà Mỹ Tây bán trực tiếp tại Cửa hàng HTX để phục vụ nhân dân trong xã. Ngoài ra còn liên kết hợp đồng bán cho các đơn vị thu mua gạo trong và ngoài huyện để cung cấp cho thị trường. Đặc điểm, do được canh tác theo phương pháp sản xuất hướng hữu cơ, nên đây là sản phẩm sạch, hạt gạo thơm, chất lượng dinh dưỡng cao, nên được thị trường ưa chuộng, tiêu thụ mạnh.

- Tỷ lệ diện tích đất trồng trọt chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới là 50,8%. Đạt

- Về chỉ tiêu tỷ lệ diện tích đất trồng trọt chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới: Trên địa bàn xã, bà con nông dân đã áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới như kỹ thuật sản xuất lúa theo quy trình 1 phải 5 giảm, kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng theo quy trình ba giảm ba tăng đạt tỷ lệ 50,76%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

7. Tiêu chí số 07 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo*), tỷ lệ $\leq 2,5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Phối hợp với các Ngân hàng chính sách, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất thấp để tạo điều kiện cho bà con nhân dân có việc làm ổn định và thu nhập đáng kể, đảm bảo an sinh xã hội. Hàng năm,

UBND xã đều triển khai kế hoạch giảm nghèo nhằm làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống và thoát nghèo; tổ chức rà soát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã. Phối hợp với cấp trên hỗ trợ cho hộ nghèo trên địa bàn xã mô hình nuôi bò lấy thịt thương phẩm.

Toàn xã có 2.818 hộ dân và 61 hộ nghèo, trong đó có 35 hộ nghèo BTXH. Vì vậy tỷ lệ hộ nghèo là: 26/2.783 hộ, tỷ lệ 0,93%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

8. Tiêu chí số 8 về lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, tỷ lệ đạt $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã phối hợp với các ngành chức năng tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn nắm bắt, khuyến khích Nhân dân tham gia học nghề, đi xuất khẩu lao động để tăng thu nhập cho gia đình. Thường xuyên rà soát, thống kê số lượng lao động trên địa bàn xã; phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn tham gia học nghề, đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường. Khuyến khích nhân dân tự tìm việc làm, duy trì và phát triển các ngành nghề tại địa phương.

Tổng số lao động có việc làm 6.521/6.722 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, chiếm tỷ lệ 97%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

9. Tiêu chí số 9 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng, Đạt.

- Xã có chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm, Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Mỹ Tây.

+ Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Đã tổ chức Đại hội chuyển đổi và hoạt động theo Luật HTX 2012 (theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 của UBND huyện Tây Hòa)

- HTX có 06 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặt điểm từng vùng phục vụ thành viên HTX: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong

nông nghiệp; Bán buôn xăng dầu, nhớt và các sản phẩm có liên quan khác; Hoạt động dịch vụ trồng trọt, Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Dịch vụ đóng gói (Đóng gói gạo); Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.

- HTX kinh doanh có lãi trong 3 năm liên tục: *(Kèm theo báo cáo tài chính)*

+ Năm 2018 lợi nhuận sau thuế: 180.266.673 đồng

+ Năm 2019 lợi nhuận sau thuế: 209.614.342 đồng.

+ Năm 2020 lợi nhuận sau thuế: 119.451.417 đồng

- Hợp tác xã có quy mô Có quy mô thành viên lớn: HTX có quy mô toàn xã, số lượng thành viên là: 1.355 thành viên.

Trên địa bàn xã có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ thu hoạch đối với các sản phẩm khác: Lúa giống, lúa thương phẩm.

Sản phẩm chủ lực trên địa bàn xã là lúa và các sản phẩm từ lúa; Lâm nghiệp và các sản phẩm từ lâm nghiệp.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết (bằng văn bản): Ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, ba (03) chu kỳ thu hoạch đối với các sản phẩm khác: Sản phẩm chủ lực trên địa bàn xã lúa; Lâm nghiệp và các sản phẩm từ lâm nghiệp.. Lúa giống được sản xuất theo hợp đồng giữa HTX với Công ty cổ phần giống cây trồng Nha Hồ - Ninh Thuận, Tập đoàn Quế Lâm, Trung tâm giống và kỹ thuật cây trồng Phú Yên, Trại giống Hòa Đồng.

+ Ngoài ra HTX NN KD DV Hòa Mỹ Tây tham gia dự án rừng theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt tiếp nhận dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài do Cơ quan nông nghiệp Phần Lan về phát triển Lương thực và Lâm nghiệp(FFD) tài trợ; Kết quả thực hiện từ 2017 đến năm 2020 có 225 hộ; diện tích 535,4 ha đăng ký tham gia chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (chứng chỉ CoC). Được Liên minh HTX tỉnh Phú Yên, ký kết chương trình liên kết hợp tác phát triển hợp tác xã, Liên hiệp HTX lâm nghiệp chuỗi giá trị và tạo vùng nguyên liệu lâm nghiệp bền vững giữa Liên minh HTX tỉnh Phú Yên và Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên ký ngày 18/6/2019. Trên cơ sở thực tế và năng lực của đơn vị Bao tiêu sản phẩm Công ty TNHH MTV Bảo Châu đảm bảo bao tiêu 100% sản phẩm gỗ rừng trồng giá ổn định trong 10 năm (2019-2029). Đối với sản phẩm rừng trồng có chứng chỉ PEFC, FSC thì mức giá cao hơn thị trường ít nhất từ 5% - 15%.

+ Sản phẩm sản xuất được đăng ký hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đạt một trong các điều kiện sau:

+ Có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (theo Quyết định số 85/QĐ-CCQLCL ngày 10/6/2021 của Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản về việc công nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

+ Đang lập thủ tục xây dựng thương hiệu Gạo chất lượng cao Hòa Mỹ Tây được Cục sở hữu trí tuệ Bộ khoa học công nghệ ra Quyết định số 105991/QĐ-SHTT ngày 16/12/2020 của Cục sở hữu trí tuệ về việc chấp nhận đơn hợp lệ.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

10. Tiêu chí số 10 về Giáo dục và Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi – Đạt 100%.

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%.

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, Đạt.

- Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo $\geq 65\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, hàng năm UBND xã triển khai chương trình giáo dục, đào tạo. Đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dạy và học. Đẩy mạnh công tác khuyến học ở địa phương, tổ chức gặp mặt học sinh, sinh viên, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó. Giữ vững phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập mầm non 5 tuổi. Thực hiện điều tra đào tạo nghề trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi đạt 100%.

- Tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 đạt 100%.

- Xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.

- Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo theo kết quả điều tra tháng 8/2021, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 4.328/6.563 người, đạt 65,95%

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

11. Tiêu chí số 11 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi), đạt tỷ lệ $< 22\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trạm y tế đảm bảo về đội ngũ Y, Bác sĩ, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, số thuốc đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh; xây dựng kế hoạch, phân công lịch trực đảm bảo, tạo mọi điều kiện cho người dân đến khám và chữa bệnh. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân theo các chương trình y tế quốc gia như: Phòng, chống dịch bệnh; phòng chống HIV...; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình. Với sự chỉ đạo của UBND xã và sự hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế cấp trên đầu tư sửa chữa trạm y tế, tăng cường bố trí cơ sở vật chất và thuốc men đầy đủ,... đảm bảo trạm đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế tháng 5/2021 là 8.684/9.189 người người được cơ quan BHXH xác nhận, đạt tỷ lệ 94,5%.

- Căn cứ kết quả cân, đo trẻ em dưới 5 tuổi ngày 01/6/2021: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 16,29%

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

12. Tiêu chí số 12 về Văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định. Đạt.

- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, đạt tỷ lệ 90%.

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể, các thôn tổ chức phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua “Tây Hoà chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”. Cán bộ và nhân dân toàn xã phát huy tinh thần đoàn kết, xây dựng phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng- an ninh; trong đó phát triển kinh tế gắn liền với phát huy các giá trị tinh thần văn hóa.

- Năm 2020, xã Hòa Mỹ Tây được công nhận là xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định.

- Năm 2020, 08/08 thôn của xã được công nhận đạt danh hiệu Thôn văn hóa theo quy định: Đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 2.920/3.047 hộ, đạt tỷ lệ 95,83 %.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

13. Tiêu chí số 13 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

- Có điểm thu gom và xử lý nước thải phát sinh đối với các hộ, cơ sở trên địa bàn, đạt.
- + Từ 80% Đối với vùng đồng bằng, khu dân cư tập trung, đạt.
- + Từ 60% Đối với vùng miền núi, khu dân cư không tập trung, đạt.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải, đạt tỷ lệ $> 75\%$.
- Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh-sạch-đẹp”, đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thực hiện Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về triển khai Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 23/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện về tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. UBND xã ban hành các kế hoạch về tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường trên địa bàn xã. Phối hợp với Mặt trận, các hội đoàn thể tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ môi trường, không vứt rác thải bừa bãi, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, bảo vệ, chăm sóc cây xanh và dọn dẹp vệ sinh, đảm bảo cảnh quan môi trường xung quanh nơi ở; vận động nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học tăng cường trồng cây xanh, tôn tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường nơi làm việc xanh-sạch-đẹp, phân công nhiệm vụ cụ thể các Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Nông dân xã, Đoàn thanh niên xã, Khối uỷ ban quản lý, Hội Cựu chiến binh xã, Đảng uỷ, Mặt trận quản lý các tuyến đường giao thông. Trên địa bàn xã đã trồng được 2.974 cây gồm các loại cây: Giáng Hương, Chuông vàng, hoa giấy, Gắm các loại, cây Cau cảnh, hoa Tường Vi.. cùng các loại cây khác: Hoa tứ quý, cây sao đen ... với tổng chiều dài 21 km đường GTNT

Tại trụ sở UBND xã thường xuyên phát động phong trào vệ sinh môi trường, trang trí bằng nhiều chậu hoa, trồng cây xanh trong khuôn viên xã tạo không gian xanh, thẩm mỹ nơi cơ quan làm việc. Các hội đoàn thể xã, cụm dân cư tham gia đăng ký nhận lãnh tuyến đường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp.

Hợp đồng với Công ty môi trường đô thị thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn xã. Đồng thời, thuê nhân công nạo vét kênh mương. Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp với Trưởng thôn 08 thôn kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của các công ty, doanh nghiệp, hướng dẫn đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định: 100%.
- Các khu dân cư tập trung của thôn, xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất tự xây dựng hệ thống thu

gom xử lý nước thải sinh hoạt 2.645/2.927hộ), tỷ lệ 90,37% (So với tiêu chí $\geq 80\%$).

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%.

- Rác thải sinh hoạt trên địa bàn do Công ty cổ phần môi trường đô thị thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện. Xã đã xây dựng được 22 bể chứa vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường Khánh Hòa để thu gom, vận chuyển và xử lý. Có hương ước, quy ước bảo vệ môi trường. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải 2.555/2.927hộ, đạt 87,29% (So với tiêu chí $\geq 75\%$).

- Các đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa và không lầy lội. Các tuyến đường liên thôn, liên xã đều trồng hoa, cây cảnh. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh – sạch – đẹp” với 2.795/2.927hộ, đạt 95,4%. (So với tiêu chí $\geq 90\%$).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

14. Tiêu chí số 14 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ, Đạt.

- Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã, tỷ lệ đạt $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Đảng ủy, UBND xã tạo mọi điều kiện để cán bộ học tập, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ thực hiện nghiêm Chỉ thị số 23/CT-UBND, ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về cải cách hành chính và nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong các cơ quan nhà nước các cấp. Triển khai sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện theo tinh thần của Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2020” và Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 07/06/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về Ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã đến nay đạt 93,59% (So với chỉ tiêu $\geq 90\%$).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

15. Tiêu chí số 15 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- UBND xã đã xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự-quốc phòng. Đạt

- An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự. Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xây dựng Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đủ số lượng theo quy định của Bộ Quốc phòng, cán bộ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó có trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở; Chỉ huy trưởng là cấp ủy viên cùng cấp là thành viên ủy ban; Ban chỉ huy quân sự có nhà làm việc riêng và có đầy đủ trang thiết bị quy định, theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nòng cốt đạt 100% theo kế hoạch, vượt chỉ tiêu so Nghị quyết, hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định, các thôn đội trưởng đều là đảng viên; xây dựng chi bộ có cấp ủy, chi bộ quân sự hàng năm đều đạt trong sạch vững mạnh, Ban chỉ huy quân sự xã đạt vững mạnh toàn diện. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên. Đã tham mưu ban hành đầy đủ nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương như: Thực hiện 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ; đăng ký, quản lý quân nhân dự bị đúng quy định, 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao sẵn sàng động viên khi có lệnh; có Nghị quyết xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”, tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân theo phân cấp, bảo đảm chỉ tiêu, có chất lượng, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng và đảm bảo ANTT trên địa bàn; phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, tham mưu cử cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đạt 100% chỉ tiêu; công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội thực hiện tốt; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện...

- An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự. Công an xã tiếp tục duy trì thực hiện các mô hình phòng ngừa tội phạm về ANTT như: “Khu dân cư tự quản về ANTT”, “Liên kết Trường – xã về đảm bảo ANTT”, “Phòng ngừa, trợ giúp trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng” và xây dựng mới mô hình “Camera an ninh phòng chống tội phạm” hoạt động có hiệu quả.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

III. Về tình hình nợ đọng XDCB trong xây dựng nông thôn mới

Đến nay, xã Hòa Mỹ Tây không còn nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

IV. Kết luận

1. Về hồ sơ

Đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí nông thôn mới là 19/19 tiêu chí (49/49 chỉ tiêu) của xã Hòa Mỹ Tây theo Quyết định số: 04/2019/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh về ban hành cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí xã nông thôn mới, giai đoạn từ năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên, đạt 100%.

Tổng số tiêu chí đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 15/15 (35/35) chỉ tiêu của xã Hòa Mỹ Tây theo quy định tại Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 21/03/2018 của UBND tỉnh về ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn từ năm 2018-2020 tỉnh Phú Yên, đạt 100%.

(Theo các Phụ lục tổng hợp kết quả thẩm định kèm theo)

VI. KIẾN NGHỊ:

Đề nghị UBND tỉnh Phú Yên xét công nhận xã Hòa Mỹ Tây đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo XDNTM Tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND Huyện;
- MTTQVN Huyện và các Đoàn thể;
- Thành viên BCD các CT MTQG Huyện;
- VP. Huyện ủy, chính quyền huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Ne

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới

TT	Tên tiêu chí	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Khối lượng thực hiện	Kết quả
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	100% (15,27km/15,27 km)	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	≥ 70%	100% (5,305km/5,305 km)	Đạt
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa được cứng hóa	≥ 70%	100% (81,757 km/81,757 km)	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng được đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	≥ 70%	100% (9,036 km/9,036 km)	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	≥ 80%	100% (1.099,6ha/1.099,6 ha)	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥ 98%	100% (3.235/3.235 hộ)	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	≥ 80%	100%	Đạt

6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Nhà văn hoá, khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản ấp có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%	(8/8 thôn) 100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng, thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (nêu rõ xã có chợ/cửa hàng tiện lợi)	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có điểm phục vụ viễn thông, Internet.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Có đài tuyên thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các thôn hoạt động thường xuyên.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát .	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	$\geq 80\%$	95,31% (2.790 nhà/ 2.927 nhà)	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) Năm 2016 ≥ 27 ; Năm 2017 ≥ 31 Năm 2018 ≥ 35 Năm 2019 ≥ 38 Năm 2020 ≥ 41	Triệu đồng	Năm 2016: 27,15 Năm 2017: 31,01 Năm 2018: 35,12 Năm 2019: 38,15 Năm 2020: 49,21	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	$\leq 5\%$	0,93% (26/2.783 hộ)	Đạt
12	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tỷ lệ người lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 90\%$	97% (6.521/6.722 người)	Đạt

13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).	≥ 85%	86,92% (113/130 học sinh)	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	≥ 40%	65,95% (4.328/6.562 người)	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT.	≥ 85%	94.5 (8.684/9.189 người)	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 24,2	16,29% (107/657 trẻ)	Đạt
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	≥ 70%	8/8 thôn, đạt 100%	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia.	≥ 95% (≥ 60% nước sạch)	100 (2.927/2.927 hộ)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường.	100%	100% (16/16 cơ sở)	Đạt
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp theo quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥ 85%	96,84% (2.820/2.912 hộ)	Đạt

		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 75\%$	100	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100% (215/215 hộ)	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên".	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Nữ lãnh đạo ở xã (có quy hoạch)	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên.	Đạt	Đạt	Đạt

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện 15 tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Khôi lượng thực hiện	Kết quả
I. HẠ TẦNG KINH TẾ-XÃ HỘI					
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 80%	100% (5,305/5,305 km)	Đạt
		1.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 60% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)	100% (81,757/81,757 km),	Đạt
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 40% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)	41,2% (3,725/9,036 km)	Đạt
		1.4. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	100%	100% (21,275/21,275 Km)	Đạt
		1.5. Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	≥ 70%	71,4% (57,929/57,929 Km)	Đạt
		1.6. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	Đạt	Đạt	Đạt
2	Điện	Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được phê duyệt	≥ 85%	114%	Đạt
3	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	100%	Đạt
4	Cơ sở vật chất	Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã, Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn	100%	100%	Đạt

	văn hóa	được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả			
II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN					
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Thu nhập bình quân đầu người của xã đạt chuẩn “Nông thôn mới” năm 2020: \geq 41triệu đồng/người/năm. Xã đạt “Nông thôn mới nâng cao” năm 2020 đạt: 49.210.000 đồng/người/năm (cao gấp 1,2 lần)	Đạt
6	Phát triển sản xuất	6.1. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp	$> 80\%$	100%	Đạt
		6.2. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới	$\geq 50\%$	50,8%	Đạt
7	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	$\leq 2,5\%$	0,93% (26/2.783 hộ)	Đạt
8	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 95\%$	97% (6.521/6.722 người)	Đạt
9	Tổ chức sản xuất	9.1. Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân	Đạt	Đạt	Đạt

		rộng			
		9.2. Xã có chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt
III. GIÁO DỤC-Y TẾ-VĂN HÓA					
10	Giáo dục và Đào tạo	10.1. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	100%	100%	Đạt
		10.2. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	100%	100%	Đạt
		10.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	Đạt	Đạt
		10.4. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo	≥ 65%	65,95% ((4.328/6.563 người)	Đạt
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	≥ 90%	94,5% (8.684/9.189 người)	Đạt
		11.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	< 22%	16,29% (107/657 trẻ)	Đạt
12	Văn hóa	12.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	90%	100%	Đạt
		12.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥ 95%	95,83% (2.920/3.047 hộ)	Đạt
IV CẢNH QUAN-MÔI TRƯỜNG					
13	Môi trường và an toàn thực phẩm	13.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định	100%	100% (2.927/2.927 hộ)	Đạt
		13.2. Có điểm thu gom và xử lý nước thải phát sinh đối với các hộ, cơ sở trên địa bàn			Đạt
		- Từ 80% Đối với vùng đồng bằng, khu dân cư tập trung	Đạt		Đạt
		- Từ 60% Đối với vùng miền núi, khu dân cư không tập trung		90,37%, (2.645/2.927 hộ)	
		13.3. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ	≥ 95%	100	

		sinh môi trường			Đạt
		13.4. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải	> 75%	87,2% (2.555/2.927 hộ)	Đạt
		13.5. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh-sạch-đẹp”	≥ 90%	95,4% (2.795/2.927 hộ)	Đạt
V. AN NINH TRẬT TỰ - HẠNH CHÍNH CÔNG					
14	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	14.1. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã	≥ 90%	93,59%	Đạt
15	Quốc phòng và An ninh	15.1. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự-quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự	Đạt	Đạt	Đạt